

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3499/UBND-TH

Đắk Lắk, ngày 10 tháng 5 năm 2016

V/v đề xuất đặt hàng, nhiệm vụ KH&CN
cần được giải quyết ở cấp Quốc gia thuộc
Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia

Kính gửi: Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia.

Thực hiện Thông tư số 06/2014/TT-BKHHCN ngày 25/04/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, về quy định nguyên tắc, tiêu chí xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia. Ủy ban Nhân dân tỉnh đã xây dựng phiếu đề xuất nhiệm vụ cấp Quốc gia, cụ thể:

Phát triển công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) trong lồng và ao đất tại tỉnh Đắk Lắk.

(Chi tiết có phiếu đề xuất đặt hàng kèm theo).

Đây là các nhiệm vụ khoa học có quy mô lớn, phức tạp, cấp thiết và có tính liên ngành, liên vùng cần được giải quyết ở cấp quốc gia và cần được sự hỗ trợ của Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia cũng như các tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Ủy ban Nhân dân tỉnh đề nghị Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia xem xét, hỗ trợ thực hiện trong kế hoạch năm 2016.//

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&CN;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Sở: KH&CN, TNMT, NNMT;
- Lưu: VT, TH (y- 22b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh

**PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC
QUỸ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA THỰC HIỆN NĂM 2016**

1. Tên nhiệm vụ: Phát triển công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) trong lồng và ao đất tại tỉnh Đắk Lắk.

2. Phân loại nhiệm vụ (lựa chọn theo Thông tư số 06/2014/TT-BKHCN):

Đề tài, hoạt động Dự án

- Dự án tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới
- Dự án nghiên cứu phát triển công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao
- Dự án ươm tạo công nghệ
- Dự án sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới
- Dự án chuyển giao, hoàn thiện, sáng tạo công nghệ để sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia
- Đề tài nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân
- Đề tài nghiên cứu về tìm kiếm, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, cải tiến kỹ thuật
- Hoạt động nhân rộng, phổ biến, giới thiệu và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển ở khu vực nông thôn, miền núi.

3. Thời gian thực hiện (số tháng, số năm): 30 tháng

4. Thông tin chung của tổ chức đề xuất nhiệm vụ:

- Tên đơn vị đề xuất: Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk
- Tên đơn vị chủ trì: Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III
- Lĩnh vực hoạt động chính: Nghiên cứu môi trường, các vấn đề về giống, nuôi trồng, bệnh thủy sản, công nghệ sau thu hoạch, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản nội địa và ven biển, nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất thủy sản.

- Địa chỉ: số 33 đường Đặng Tất, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Số điện thoại: 058 3831138 - Fax: 058 3831846
- Website: <http://www.ria3.vn/>
- Năm thành lập: 1984 - Số lượng cán bộ/nhân viên: 157
- Doanh thu trung bình 3 năm gần đây: 8.000 triệu đồng
- Hoặc, ngân sách hoạt động (với tổ chức công lập): 20.000 triệu đồng

5. Căn cứ đề xuất nhiệm vụ

5.1. Tính phù hợp, mục tiêu

- Phù hợp theo từng nguyên tắc, tiêu chí được quy định cho từng loại nhiệm vụ tương ứng tại Thông tư 06/2014/TT-BKHHCN

X

+ Ghi rõ Điều, khoản, mục trong thông tư

Điều 15, khoản 1, mục c: Ươm tạo công nghệ nuôi cá Chình hoa trong ao đất và lồng tại tỉnh Đắk Lắk, từ đó chuyển giao nhân rộng công nghệ cho các doanh nghiệp, cá nhân ... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung.

- Mô tả ngắn gọn ý tưởng của nhiệm vụ

Đắk Lắk là tỉnh có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản để góp phần quan trọng cho sự phát triển chung của vùng. Trên địa bàn tỉnh có 3 hệ thống sông cùng hơn 778 hồ đập thủy lợi phân bố tương đối đồng đều là lợi thế lớn để phát triển nghề nuôi cá lồng, nuôi cá hồ chứa và ao hồ nhỏ ở hạ lưu các hồ đập và ven các sông suối.

Cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) là loài cá đặc sản có giá trị dinh dưỡng cao và là đối tượng xuất khẩu có tiềm năng rất lớn về thị trường tiêu thụ. Cá Chình hoa phân bố ở khu hệ cá tỉnh Đắk Lắk, tuy nhiên nguồn lợi loài cá này đang giảm sút nghiêm trọng và khó phục hồi do đường di cư của cá con bị chặn. Hiện tại, dự án “Hoàn thiện công nghệ ương giống và nuôi thương phẩm cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) theo hình thức công nghiệp” thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì theo Quyết định số 195/QĐ-BKHHCN ngày 20/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã được nghiệm thu. Tuy nhiên, dự án chỉ mới tập trung hoàn thiện công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình công nghiệp trong bể xi măng. Do đó, tỉnh Đắk Lắk đề xuất Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III tiếp tục có nghiên cứu phát triển công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất để phù hợp với lợi thế điều kiện tự nhiên, điều kiện mặt nước ... của nhiều địa phương.

Để phát huy lợi thế của tỉnh, khai thác một cách hiệu quả diện tích mặt nước hiện có, nâng cao giá trị sản xuất thủy sản, tăng thu nhập cho người dân, đưa cá Chình hoa trở thành đối tượng nuôi ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung, tỉnh Đắk Lắk đề xuất đặt hàng đề tài: “Phát triển công

nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) trong lồng và ao đất tại tỉnh Đắk Lắk”. Sản phẩm của đề tài gồm: Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất; và sản phẩm cá Chình hoa thương phẩm từ các mô hình nuôi.

Kết quả của đề tài là công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong ao đất và lồng sẽ được ứng dụng cho các hộ dân, các làng nghề, các Hợp tác xã, các doanh nghiệp ... ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung. Sản phẩm hàng hóa tươi sống tạo ra từ đề tài sẽ được cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, các tỉnh trong vùng Tây Nguyên, các tỉnh thành trên cả nước và xuất khẩu.

Cho đến nay, tại tỉnh chưa có nghiên cứu nào liên quan đến nuôi cá Chình hoa. Do vậy, đề tài được thực hiện sẽ là nghiên cứu hoàn toàn mới và không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học công nghệ khác. Kết quả của đề tài sẽ mở ra hướng đi mới cho ngành thủy sản của tỉnh và của vùng Tây Nguyên vốn có nhiều lợi thế về hồ đập, sông suối. Với giá trị kinh tế cao, có tính đặc sản và trong điều kiện nguồn lợi cá ngoài tự nhiên giảm sút nghiêm trọng, việc thực hiện đề tài là cấp thiết, có tính chiến lược góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên.

Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III là đơn vị chuyên nghiên cứu về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và đã có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu về nghề cá ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung. Đơn vị đã làm chủ công nghệ nuôi cá Chình hoa công nghiệp và có Văn phòng đại diện tại Tây Nguyên ở tỉnh Đắk Lắk, đây chính là lợi thế để đơn vị thực hiện việc nghiên cứu phát triển công nghệ nuôi cá Chình hoa trong ao đất và lồng tại tỉnh Đắk Lắk.

- Đã đề xuất tham gia các Chương trình KH&CN khác

+ Nếu đã đề xuất, trình bày lý do tại sao không thực hiện ở các Chương trình khác

- Công nghệ của nhiệm vụ có tính khả thi, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển công nghệ

+ Tạo ra được công nghệ mới, quy trình công nghệ mới so với

Thế giới	
Khu vực	
Trong nước	X

+ Cải tiến công nghệ, quy trình công nghệ

- Kết quả của nhiệm vụ góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và có tác động tới kinh tế - xã hội

+ Tạo ra được sản phẩm mới có tính cạnh tranh so với

Thế giới	
Khu vực	

Trong nước	X
------------	---

+ Cải tiến sản phẩm

+ Tạo ra được dịch vụ mới

+ Tác động tới thị trường	Mở ra thị trường mới	
	Phục vụ phân khúc thị trường hiện tại	X

+ Khác

Sản phẩm tạo ra từ đề tài ngoài phục vụ thị trường các tỉnh trong khu vực còn có thể xuất bán sang các tỉnh khác và xuất khẩu.

- Nêu chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với những mục tiêu cụ thể:

+ Tạo ra được quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất: tỷ lệ sống 80%, năng suất nuôi lồng 24 kg/m³, nuôi ao đất 8 kg/m³.

+ Tạo ra được 8 tấn cá Chình hoa, khối lượng trung bình 1 kg/con, sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm từ các mô hình nuôi cá Chình hoa trong lồng và ao đất.

+ Tạo sản phẩm cá chình hoa phục vụ cho thị trường tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên.

5.2. Phân tích một số nội dung liên quan đến thị trường, yêu cầu đối với nhiệm vụ

- Doanh thu đối với các sản phẩm ứng dụng công nghệ của nhiệm vụ tại thời điểm năm 2018

Thị trường ngoài nước USD/VND
Thị trường trong nước 2,94 tỷ đồng

+ Nuôi lồng:

Sản lượng = Thể tích lồng 150 m³ x năng suất 24 kg/m³ = 3.600 kg

Giá trị = 3.600 kg x 350.000 VND/kg = 1.260.000.000 VND

+ Nuôi ao:

Sản lượng = Thể tích ao 600 m³ x năng suất 8 kg/m³ = 4.800 kg

Giá trị = 4.800 kg x 350.000 VND/kg = 1.680.000.000 VND

- Doanh thu dự kiến đối với các sản phẩm ứng dụng công nghệ của nhiệm vụ khi kết thúc nhiệm vụ

Thị trường ngoài nước USD/VND
Thị trường trong nước 9,24 tỷ đồng/năm

Sau khi đề tài kết thúc, dự kiến doanh thu đối với các mô hình ứng dụng công

nghệ của nhiệm vụ là 9,24 tỷ đồng, cụ thể:

+ Nuôi lồng:

Sản lượng = Thể tích lồng 500 m^3 x năng suất 24 kg/m^3 = 15.000 kg

Giá trị = 15.000 kg x 350.000 VND/kg = 4.200.000.000 VND

+ Nuôi ao:

Sản lượng = Thể tích ao 1.800 m^3 x năng suất 8 kg/m^3 = 14.400 kg

Giá trị = 14.400 kg x 350.000 VND/kg = 5.040.000.000 VND

- Nhiệm vụ đã có chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, kế hoạch sản xuất, kinh doanh

Chưa có

Ngắn hạn	
Dài hạn	

+ Nếu đã có, gửi về Quy kèm theo đề xuất nhiệm vụ này

+ Nếu chưa có, đơn vị chủ trì sẽ đăng ký đề tài nghiên cứu lập dự án nghiên cứu tiền khả thi, dự án khả thi của Quy

+ Hoặc phân tích về nhu cầu, yêu cầu và sự cần thiết phải triển khai nhiệm vụ (về mặt công nghệ và thị trường) trong đó phân tích tính khả thi, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và rủi ro của nhiệm vụ:

Cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) là loài thủy đặc sản có tiềm năng rất lớn về thị trường tiêu thụ, trong đó có thị trường xuất khẩu. Thị trường tiêu thụ cá Chình hoa chủ yếu, gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và những nước có đông người Hoa sinh sống, kể cả các nước ở khu vực Âu Mỹ. Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc là những quốc gia có nghề nuôi cá Chình phát triển, nhưng hàng năm các nước này vẫn phải nhập một số lượng lớn cá Chình mới đủ đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa (Nhật nhập khoảng 30.000 tấn, Hàn Quốc nhập từ 10.000 – 13.000 tấn). Trung Quốc cũng giảm lượng cá Chình xuất khẩu do những hạn chế về con giống trong khi nhu cầu nội địa gia tăng. Tại Việt Nam, cá Chình hoa đã được nuôi hầu khắp khoảng 18 – 20 tỉnh ở miền Trung và miền Nam với sản lượng xuất bán hàng năm khoảng 600 – 700 tấn cá cỡ 1,5 kg trở lên. Giá bán cá hiện từ 350.000 – 450.000 đ/kg.

Thành công của Dự án “Hoàn thiện công nghệ ương giống và nuôi thương phẩm cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) theo hình thức công nghiệp” thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III chủ trì theo Quyết định số 195/QĐ-BKHHCN ngày 20/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã được nghiệm thu sẽ là chìa khóa để Viện tiếp tục nghiên cứu phát triển công nghệ nuôi cá Chình hoa trong lồng và ao đất phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện mặt nước của nhiều địa phương.

Tỉnh Đắk Lắk có lợi thế phát triển nuôi trồng thủy sản. Trên cơ sở lợi thế

về điều kiện tự nhiên, vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của Tây Nguyên và cả nước, tỉnh Đắk Lắk luôn xác định thủy sản là một trong những thành phần kinh tế quan trọng trong phát triển ngành nông, lâm, thủy sản nói riêng và nền kinh tế của tỉnh nói chung. Chủ trương này được thể hiện qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chương trình nông thôn mới ... Năm 2014, tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 với định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh; đẩy mạnh phát triển nghề nuôi cá hồ chứa, đặc biệt là nuôi cá lồng; đa dạng hóa đối tượng nuôi, chú trọng các đối tượng có giá trị kinh tế cao; và đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và đưa vào sản xuất các đối tượng đặc hữu, bản địa có giá trị kinh tế phục vụ tiêu dùng nội địa và du lịch tại chỗ. Các đối tượng được qui hoạch phát triển gồm nhóm cá rô phi, các loài đặc sản (cá Chình hoa, cá Lăng đuôi đỏ, cá Bống tượng, cá Thát lát cườm ...), cá truyền thống và cá nước lạnh.

Trong giai đoạn 2010 – 2014, nuôi trồng thủy sản của Đắk Lắk đã đạt được những thành tựu đáng kể với mức tăng trưởng bình quân về diện tích 3%/năm, sản lượng 25%/năm và giá trị sản xuất 47%/năm. Tuy nhiên, đến nay nuôi trồng thủy sản vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng mặc dù Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 đã được phê duyệt. Nghề nuôi còn mang tính tự phát, manh mún, nhỏ lẻ, đối tượng nuôi chủ yếu là cá truyền thống ... nên hiệu quả kinh tế chưa cao và chưa tạo ra sản lượng lớn, mang tính hàng hóa. Những năm gần đây, một số Doanh nghiệp, Hợp tác xã ... được thành lập và tham gia vào lĩnh vực nuôi trồng thủy sản sẽ là những hạt nhân trong việc áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất.

Trước nhu cầu của thị trường, nhu cầu về mặt công nghệ và phục vụ cho việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đắk Lắk, của vùng Tây Nguyên, việc thực hiện đề tài “*Phát triển công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa (Anguilla marmorata) trong lồng và ao đất tại tỉnh Đắk Lắk*” là cần thiết.

Đề tài thực hiện sẽ gặp một số khó khăn từ tập quán nuôi trồng thủy sản theo phương thức quảng canh, quảng canh cải tiến trên địa bàn tỉnh; cơ sở hạ tầng và hậu cần dịch vụ cho nuôi trồng thủy sản nhất là hệ thống thủy lợi được xây dựng chủ yếu để phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp; trình độ kỹ thuật và nguồn lực của người dân còn hạn chế ... Tuy nhiên, những khó khăn này là có thể khắc phục được hoặc giảm nhẹ tác động qua việc lựa chọn địa điểm nuôi phù hợp cùng với việc vận dụng những kỹ thuật mới vào sản xuất mang lại kết quả tốt và sản phẩm có thị trường ổn định.

6. Nội dung và các hoạt động chủ yếu của nhiệm vụ

- Nội dung chính và kế hoạch thực hiện

Nội dung 1: Nghiên cứu nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất

- Khảo sát lựa chọn vùng nuôi

Khảo sát vị trí địa lý, chất lượng nước, chất đáy, dòng chảy, yếu tố môi trường liên quan đến nuôi cá Chình hoa.

- Nghiên cứu nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng

+ Thời gian: Thời gian nuôi 12 tháng

+ Địa điểm: Hồ Hố kè, xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

+ Thể tích lồng: 5 x 5 x 2 m. Thể tích mỗi ô thí nghiệm: 10 m³.

+ Số lượng lồng: 6 lồng. Bố trí 3 ô thí nghiệm/lồng.

+ Bố trí thử nghiệm các mật độ 20 con/m³, 30 con/m³ và 40 con/m³ với cỡ giống 50 g/con và 100 g/con. Mỗi thí nghiệm lặp lại 3 lần.

+ Thức ăn: Sử dụng thức ăn tổng hợp, hàm lượng protein 50%. Trong quá trình nuôi theo dõi các yếu tố môi trường, tốc độ sinh trưởng, hệ số thức ăn, tỷ lệ sống và tình hình bệnh của cá.

+ Trong quá trình nuôi theo dõi các yếu tố môi trường, tốc độ sinh trưởng, hệ số thức ăn, tỷ lệ sống và tình hình bệnh của cá.

+ Đánh giá hiệu quả kinh tế của các thí nghiệm.

- Nghiên cứu nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong ao đất

+ Thời gian: Thời gian nuôi 12 tháng

+ Địa điểm: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

+ Diện tích ao: ≥ 1.000 m²/ao. Diện tích mỗi ô thí nghiệm 100 m².

+ Mật độ: 10 con/m³

+ Cỡ giống: 100 g/con.

+ Thức ăn: Thử nghiệm 3 loại thức ăn gồm: thức ăn tổng hợp, hàm lượng protein 50%; thức ăn tổng hợp + cá tạp; và thức ăn cá tạp. Mỗi thí nghiệm lặp lại 3 lần.

+ Trong quá trình nuôi theo dõi các yếu tố môi trường, tốc độ sinh trưởng, hệ số thức ăn, tỷ lệ sống và tình hình bệnh của cá.

+ Đánh giá hiệu quả kinh tế của các thí nghiệm.

Nội dung 2: Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất

- Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng

+ Thời gian: Thời gian nuôi 12 tháng

+ Địa điểm: Hồ Hố kè, xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

+ Số lồng nuôi: 3 lồng/địa điểm

+ Thể tích lồng: 50 m³/lồng

+ Mật độ và cỡ giống: Lựa chọn mật độ và cỡ giống cho kết quả tốt nhất từ kết quả thử nghiệm.

+ Thức ăn: Sử dụng thức ăn tổng hợp, hàm lượng protein 50%. Trong quá trình nuôi theo dõi các yếu tố môi trường, tốc độ sinh trưởng, hệ số thức ăn, tỷ lệ sống và tình hình bệnh của cá.

- Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong ao đất

+ Thời gian: Thời gian nuôi 12 tháng

+ Địa điểm: Thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Bông và huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk

+ Số ao nuôi: 1 ao/địa điểm

+ Diện tích ao: 200 – 400 m²

+ Mật độ: 10 con/m³

+ Cỡ giống: 100 g/con

+ Thức ăn: Sử dụng thức ăn cho kết quả tốt nhất từ thử nghiệm

+ Trong quá trình nuôi theo dõi các yếu tố môi trường, tốc độ sinh trưởng, hệ số thức ăn, tỷ lệ sống và tình hình bệnh của cá.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình nuôi.

7. Kết quả, tác động dự kiến của nhiệm vụ

7.1. Kết quả dự kiến của nhiệm vụ

- Công nghệ, quy trình công nghệ

Xây dựng quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất.

- Sản phẩm

Mô hình nuôi cá chình hoa thương phẩm đạt 8 tấn, khối lượng trung bình 1 kg/con, sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Dịch vụ

- Sở hữu trí tuệ, giải pháp hữu ích; quyền sở hữu

- Kết quả khác:

+ *Nêu rõ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tính mới của kết quả nhiệm vụ*

Quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá Chình hoa trong lồng và ao đất: tỷ lệ sống 80%, năng suất nuôi lồng 24 kg/m³, nuôi ao đất 8 kg/m³.

Mô hình nuôi cá Chình thương phẩm áp dụng tại Đắk Lắk đạt 8 tấn, khối

lượng trung bình 1 kg/con, sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tính mới của nhiệm vụ là tạo được quy trình công nghệ nuôi cá Chình hoa ở loại hình nuôi lồng và nuôi ao tại Tây Nguyên.

7.2. Tác động dự kiến của nhiệm vụ

- Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh

- Xây dựng cơ sở hợp tác bền vững với các đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp

- Nâng cao trình độ của cán bộ/nhân viên

- Thời gian hoàn vốn đầu tư sau khi kết thúc nhiệm vụ

Tính toán hiệu quả kinh tế của nhiệm vụ
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

T	Nội dung	Đơn vị	Thành tiền
1	2	3	4
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	Triệu đồng	4.500
2	Tổng chi phí trong 1 năm	Triệu đồng	1.500
3	Tổng doanh thu trong 1 năm	Triệu đồng	2.940
4	Lãi gộp (3) - (2)	Triệu đồng	1.440
5	Lãi ròng (4) - (4) x10%	Triệu đồng	1.300
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	Triệu đồng	0.300
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	Năm	2.820
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	%	28,80
9	Tỷ lệ lợi nhuận so với tổng doanh thu, % (ước tính)	%	44,08
			200%

- Giá trị gia tăng tối thiểu của sản phẩm ứng dụng công nghệ

Sau khi nhiệm vụ kết thúc, dự kiến doanh thu đối với các mô hình ứng dụng công nghệ của nhiệm vụ là 9,24 tỉ đồng/năm. Như vậy, giá trị gia tăng tối thiểu đạt khoảng 200%.

- Mức giảm tổng chi phí sản xuất

7.3. Cụ thể địa chỉ ứng dụng kết quả nhiệm vụ, quy mô ứng dụng

- Công ty Cổ phần Yang Hanh, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk: 10 – 20 lồng nuôi trên hồ chứa Hồ Kè ở xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông.

- Làng nuôi cá lồng trên hồ chứa thủy điện Sê San 4, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum: 10 – 30 lồng nuôi.

- Các ao, lồng nuôi của người dân ở tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh vùng Tây Nguyên.

- Các Doanh nghiệp có nhu cầu chuyển giao công nghệ ở tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên.

8. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ

Tổng kinh phí:	5.000	triệu đồng
- Từ Quỹ:	3.500	triệu đồng
- Từ nguồn khác:	1.500	triệu đồng

9. Năng lực của đơn vị chủ trì tham gia thực hiện nhiệm vụ

- Cơ cấu trình độ của cán bộ, nhân viên

Đại học:	48%
Trên đại học:	36%

- Nêu vấn đề về nguồn nhân lực, khả năng chuyên môn thực hiện nhiệm vụ của cán bộ/nhân viên

Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III là đơn vị chuyên nghiên cứu về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Viện đã chủ trì thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh, dự án hợp tác quốc tế, dự án chuyển giao công nghệ và chuyển giao công nghệ cho các dự án liên quan đến các quy trình công nghệ cần chuyển giao cho các địa phương, trong đó có các đối tượng nuôi nước ngọt, gồm: cá Tầm, cá Hồi vân, cá Lăng đuôi đỏ (Lăng nha), cá Thát lát, cá Lăng vàng, cá Chình, cá Diêu hồng, Luon đồng, cá rô đồng, cá Chêm ...

- Nêu vấn đề về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật liên quan phục vụ trực tiếp việc triển khai nhiệm vụ

Có Văn phòng đại diện tại Tây Nguyên; Trung tâm Tư vấn, sản xuất và Dịch vụ KHCN Thủy sản; và Trung tâm Quốc gia giống Thủy sản nước ngọt miền Trung.

- Có bộ phận nghiên cứu và phát triển

- Kinh phí trung bình dành cho hoạt động nghiên cứu phát triển trên tổng doanh thu 3 năm gần nhất

- Có sự hợp tác với các viện trường và tổ chức nghiên cứu

và phát triển (thể hiện bằng các hợp đồng, cam kết)

Ngắn hạn	X
----------	---

- Có sự phối hợp với các đơn vị khác tham gia thực hiện nhiệm vụ

--

+ *Nêu ngắn gọn về năng lực của đơn vị phối hợp*

Công ty Cổ phần Yang Hanh, thôn 1, xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk: Công ty được huyện Krông Bông giao quản lý và sử dụng hồ chứa Hồ kè để nuôi trồng thủy sản. Hồ chứa Hồ kè có tổng diện tích 60 ha, trong đó diện tích mặt nước 34 ha. Dung tích hồ 650 x 103 m³. Hệ thống ao 1 ha.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Trang, thôn 10, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Công ty có 1 ha ao có bờ bê tông.

+ *Phương án hợp tác, phối hợp với các đơn vị có liên quan (nếu có)*

Công ty Cổ phần Yang Hanh, thôn 1, xã Hòa Lễ, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk: Nghiên cứu và xây dựng mô hình nuôi lồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn An Trang: Nghiên cứu và xây dựng mô hình nuôi ao.

- Số lượng nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện giai đoạn 2010-2015

Cấp Bộ, địa phương	50
Cấp nhà nước	13

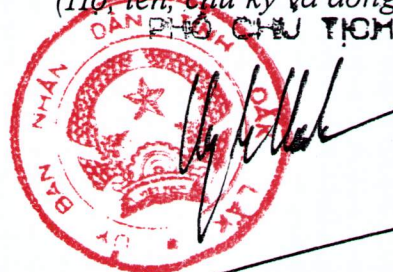
- Số lượng sáng chế, giải pháp, công nghệ được chuyển giao (mua/bán)

10

Ủy Ban nhân dân tỉnh cam kết có phương án sử dụng kết quả tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành./.

PHÊ DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO UBND TỈNH

(*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*)



Nguyễn Hải Ninh